

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH G**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 6 năm 2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Triệu Thị Luyện

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Mạnh Tiến

2. Ông Nguyễn Văn Bàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Đặng Minh Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16/6/2022, tại trụ sở TAND thành phố B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 123/2022/TLST-HNGĐ ngày 22/4/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/6/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lương Mạnh T, sinh năm 1993 (vắng mặt - có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 2B, ngõ 51, đường Tr, phường H, thành phố B

Bị đơn: Chị Phan Thị Hạnh H, sinh năm 1990 (vắng mặt - có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 51, ngõ 64, đường V, phường T, thành phố B, tỉnh G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là Anh Lương Mạnh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hà kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Li, thành phố B vào ngày 20/7/2018. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên hay xảy ra cãi cọ, vợ chồng không còn quan tâm, tôn trọng nhau. Tháng 5/2021, mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng dẫn đến hai bên gia đình xảy ra xô xát, chị H đã đánh bố mẹ anh. Do vậy, vợ chồng sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm từ tháng 5/2021 đến nay. Sau khi xảy ra tình trạng như vậy, chị H đã làm đơn ly hôn đề nghị Tòa án thành phố B giải quyết nhưng sau khi Tòa án thụ

lý vụ án, chị H không đến làm việc nên Tòa án đã đình chỉ vụ án. Do mâu thuẫn giữa hai bên gia đình rất trầm trọng nên không ai đứng ra hòa giải, cả hai bên gia đình đều đồng ý cho vợ chồng ly hôn. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh và chị H không còn khả năng đoàn tụ, chung sống nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Anh và chị H có hai con chung là Lương Tuệ L, sinh 29/8/2019 và Lương Đình Kh, sinh 21/01/2021 hiện các con chung đang ở cùng chị H. Khi ly hôn do cả hai con chung còn nhỏ nên anh để chị H tiếp tục nuôi cả hai con. Anh làm nghề tự do, thu nhập bình quân khoảng 15.000.000 đồng/tháng. Anh không biết công việc, mức thu nhập hiện tại của chị H vì từ khi sống ly thân, anh và chị H không liên lạc với nhau, anh chỉ biết chị H hiện nay đang ở cùng mẹ đẻ ở thành phố B.

Về tài sản chung: Anh và chị H không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Anh và chị H không nợ ai nên không yêu cầu giải quyết.

Tại Bản tự khai, bị đơn là Chị Phan Thị Hạnh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 20/7/2018 chị kết hôn cùng Anh Lương Mạnh T, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Lê Lợi, thành phố B, tỉnh G. Trước khi kết hôn vợ chồng được tự do tìm hiểu, hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Lương Tuệ L, sinh 29/8/2019 và Lương Đình Kh, sinh 21/01/2021. Vợ chồng ly hôn chị đề nghị được nuôi hai con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị đang sống cùng bố mẹ đẻ, được sự hỗ trợ của mẹ trong việc chăm sóc con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 07/6/2022, chính quyền địa phương nơi Chị Phan Thị Hạnh H sinh sống cung cấp: Vợ chồng chị H, anh T có mâu thuẫn hay không thì chính quyền địa phương không nắm được chỉ biết hiện nay chị H không sống cùng Anh T, chị H cùng hai con đang sống cùng bố mẹ đẻ tại số nhà 51, ngõ 64, đường Vương Văn Trà, phường Trần Phú, thành phố B.

Tại phiên tòa:

Anh T, chị H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Anh Lương Mạnh T được ly hôn Chị Phan Thị Hạnh H.

+ Về nuôi con chung: Giao cho Chị Phan Thị Hạnh H trực tiếp nuôi

dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Lương Tuệ L, sinh 29/8/2019 và Lương Đình Kh, sinh 21/01/2021.

+ Về án phí: Anh Lương Mạnh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

[2.1] Anh Lương Mạnh T và Chị Phan Thị Hạnh H kết hôn năm 2018 trên cơ sở tự nguyện, tổ chức kết hôn theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Li, thành phố B, tỉnh G, được UBND phường Li cấp giấy chứng nhận kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình tham gia tố tụng, Anh T, chị H đều trình bày do vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng nên đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm, không còn quan tâm đến nhau. Theo cung cấp của chính quyền địa phương nơi chị H sinh sống thì Anh T, chị H hiện nay không sống chung với nhau.

[2.3] Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa Anh T, chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T đề nghị ly hôn, chị H đồng ý. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Anh T, chị H có hai con chung đều dưới 36 tháng tuổi, hai con chung hiện đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H hiện đang sống cùng bố mẹ đẻ, được sự hỗ trợ của bố mẹ trong việc chăm sóc con. Chị H đề nghị được nuôi hai con chung, anh T đồng ý. Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX xem xét.

[7] Về án phí: Anh Lương Mạnh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lương Mạnh T được ly hôn Chị Phan Thị Hạnh H.

2. Về nuôi con chung: Giao cho Chị Phan Thị Hạnh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Lương Tuệ L, sinh 29/8/2019 và Lương Đình Kh, sinh 21/01/2021. Sau khi ly hôn, anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Lương Mạnh T phải chịu 300.000đ (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai số 0001482 ngày 22/4/2022. Xác nhận anh T đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- VKSND Tp Bắc Giang;
- CCTHADS Tp Bắc Giang;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- UBND phường Lê Lợi, tp Bắc Giang;
- Các đương sự.
- Lưu HS vụ án; VP.

Triệu Thị Luyện